

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 27

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Cháo thịt bò nấu đu đủ hương, cải bó xôi, nấm bào ngư, hành lá, ngô rí
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá basa kho tiêu, hành baro
- Canh khoai mỡ nấu thịt heo, húng quế, hành lá, ngô rí
Xế: Bánh Pudding trứng sữa
Xế chiều: Súp lươn, khoai môn, cà rốt, trứng gà, nấm đùi gà, bột năng

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	300	3,140	9,420
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	N0966	Muối Iot	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,180	8,360
5	0004	Gạo tẻ máy	1,500	2,560	38,400
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngô rí)	50	8,820	4,410
8	0002	Gạo nếp (loại thường)	200	3,050	6,100
9	0286	Thịt bò loại II	400	36,750	147,000
10	0115	Đu đủ xanh	200	3,680	7,360
11	N0779	Cải bó xôi	100	8,510	8,510
12	N0778	Nấm bào ngư	100	12,920	12,920
13	0436	Cá basa (phi lê)	1,500	13,550	203,250
14	0751	Khoai mỡ	700	4,620	32,340
15	N0770	Thịt nạc dăm	300	18,800	56,400
16	0158	Rau húng	50	11,870	5,935
17	0649	Bột năng	200	4,637.5	9,275
18	0033	Khoai môn	300	6,410	19,230
19	0089	Cà rốt	300	5,780	17,340
20	0635	Nấm đùi gà	100	9,560	9,560
21	0451	Trứng gà công nghiệp	180	7,333.3	13,200
22	0411	Lươn	400	25,410	101,640
23	N0850	Mỡ heo sống	200	10,300	20,600
24	0457	Sữa bột toàn phần	491.32	20,500	100,721
25	0646	Bánh pudding	1,080	11,800	127,440

26	0186	Tỏi tây (cả lá)	100	8,610	8,610
27	0686	Sữa tươi Vinamilk	330	6,000	19,800
Tổng cộng					999,001

Tổng tiền thực phẩm	999,001
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	999,001
Số dư đầu ngày	1
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	17,279,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	17,279,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan